

CÔNG TY TNHH TIẾN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, Đường Đông Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

*Báo cáo của Ban Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CÔNG TY TNHH TIẾN LÊN

6 tháng đầu năm 2009



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

CÔNG TY TNHH TIỀN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban giám đốc	03 – 04
Báo cáo Kiểm toán	05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2009	06 – 08
Báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2009	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2009	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2009	12 – 26



CÔNG TY TNHH TIẾN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP4, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH TIẾN LÊN (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Công ty TNHH TIẾN LÊN được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 ngày 22 tháng 11 năm 2001; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 11 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa, vật liệu xây dựng, sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu, ống nước, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp và phụ tùng thay thế. Mua bán ô tô và các thiết bị phụ tùng ô tô. Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh kho bãi. Môi giới thương mại. Bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường bộ. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. San lấp mặt bằng. Lắp trang thiết bị cho các công trình xây dựng. Gia công cơ khí. Đại lý, mua bán, nhập khẩu hàng trang trí nội thất. Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp./.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng thành viên và Ban giám đốc

Bà Phạm Thị Hồng	Chủ tịch - Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành Viên- Phó giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành Viên
- Ông Phạm Minh Đức	Thành Viên
- Ông Phạm Duy Quang	Thành Viên
- Ông Lê Văn Trọng	Thành Viên
- Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành Viên
- Ông Phạm Minh Tuấn	Thành Viên
- Ông Nguyễn Anh Hùng	Thành Viên
- Ông Nguyễn Anh Quang	Thành Viên

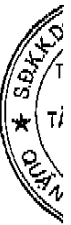
Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



CÔNG TY TNHH TIỀN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP4, đường Đồng Khởi, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Biên Hòa, ngày 06 tháng 10 năm 2009

TM. Ban Giám Đốc

Giám đốc



Giám Đốc
Phạm Thị Hồng





**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 38.205.944 - 38.205.947 • Fax: 38.205.342
Email: info@aascs.com.vn • Website: www.aascs.com.vn

Số: 662/BCKT/TC

Báo cáo kiểm toán

Về Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2009 của Công ty TNHH TIẾN LÊN

Kính gửi: - Hội đồng Thành Viên Công ty TNHH TIẾN LÊN
- Ban Giám đốc Công ty TNHH TIẾN LÊN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2009 được lập ngày 06 tháng 10 năm 2009 của Công ty TNHH TIẾN LÊN từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Theo công văn số 27/CV/2009 ngày 10 tháng 12 năm 2009 của đơn vị đề nghị phát hành lại báo cáo kiểm toán số 602/BCKT/TC ngày 10 tháng 10 năm 2009 vì báo cáo còn thiếu cột số năm trước, do đó chúng tôi phát hành báo cáo kiểm toán này thay thế hoàn toàn cho báo cáo kiểm toán số số 602/BCKT/TC ngày 10 tháng 10 năm 2009 (việc sử dụng báo cáo kiểm toán số số 602/BCKT/TC ngày 10 tháng 10 năm 2009 dưới mọi hình thức không thuộc trách nhiệm của công ty kiểm toán, chúng tôi đã đề nghị đơn vị thu hồi lại báo cáo kiểm toán đã phát hành).

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

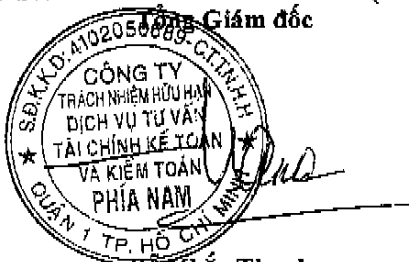
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH TIẾN LÊN tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2009

**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**



Đỗ Khắc Thanh
Chứng chỉ KTV D0064/KTV

Kiểm toán viên

Đinh Thế Đường
Chứng chỉ KTV 0342/KTV

Công ty TNHH Tiên Lân

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		403.830.520.054	111.166.495.399
I. Tiền và các khoản trong đương tiền	110	1	54.249.448.434	6.068.545.327
1. Tiền	111		54.249.448.434	6.068.545.327
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2	161.273.828.917	39.692.647.968
1. Phải thu khách hàng	131	2.1	130.512.330.104	39.277.964.475
2. Trả trước cho người bán	132	2.2	30.716.210.261	413.638.075
5. Các khoản phải thu khác	135	2.3	45.288.552	1.045.418
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140	3	175.978.292.036	51.569.816.277
1. Hàng tồn kho	141		175.978.292.036	51.569.816.277
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4	12.328.950.667	13.835.485.827
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.1	420.222.298	689.974.026
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.2	3.736.301.741	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	4.3	8.172.426.628	13.145.511.801
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		340.160.788.372	166.302.906.510
II. Tài sản cố định	220		12.983.371.467	14.061.217.327
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5	12.957.189.649	14.061.217.327
- Nguyên giá	222		26.172.237.158	25.988.338.995
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.215.047.509)	(11.927.121.570)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		26.181.818	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	326.726.500.000	151.726.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	6.1	271.726.500.000	151.726.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	6.2	48.000.000.000	
3. Đầu tư dài hạn khác	258	6.3	7.000.000.000	
V. Tài sản dài hạn khác	260	7	450.916.905	515.189.283
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7.1	211.169.048	275.441.426
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	7.2	239.747.857	239.747.857
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		743.991.308.426	277.469.402.009

Công ty TNHH Tiên Lân

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		285.425.025.636	41.537.208.181
I. Nợ ngắn hạn	310	8	285.425.025.636	41.537.208.181
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	8.1	141.118.948.913	7.175.707.611
2. Phải trả người bán	312	8.2	137.093.602.903	31.965.120.424
3. Người mua trả tiền trước	313	8.3	2.078.649.139	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	8.4	4.476.009.762	2.184.826.143
5. Phải trả người lao động	315	8.5	394.379.663	
6. Chi phí phải trả	316			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	8.6	263.435.256	211.554.003
II. Nợ dài hạn	330			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		458.566.282.791	235.932.193.828
I. Vốn chủ sở hữu	410	9	456.753.191.510	228.253.982.547
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		449.530.000.000	226.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.414.807.149	2.253.982.547
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.808.384.361	
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		1.813.091.281	7.678.211.281
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		1.813.091.281	7.678.211.281
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		743.991.308.426	277.469.402.009

2050689
 CÔNG TY
 TNHH TIÊN LÂN
 VIỆC TƯ VÀ
 HÌNH KẾ TỐC
 KIỂM TOÁN
 TIÊN LÂN
 C

Công ty TNHH Tiên Lân

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại		544.969	2.024,15
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 06 tháng 10 năm 2009

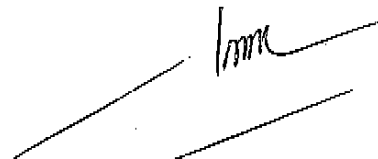
Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Kế Toán Trưởng
ĐẠO THỊ KIM LOAN

Giám đốc

(Đóng dấu)



Giám Đốc
Phạm Thị Hằng



Công ty TNHH Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	10	643.054.138.030	611.202.440.600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	11		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	12	643.054.138.030	611.202.440.600
4. Giá vốn hàng bán	11	13	614.644.765.586	582.597.356.897
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		28.409.372.444	28.605.083.703
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	123.991.399	2.040.521.360
7. Chi phí tài chính	22	15	12.890.988.389	8.345.548.515
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.670.016.399	5.575.726.078
8. Chi phí bán hàng	24		4.389.117.292	4.918.199.313
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.887.386.801	1.587.948.869
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		9.365.871.361	15.793.908.366
11. Thu nhập khác	31		1.711.943	3.253.169.779
12. Chi phí khác	32		2.948.978.273	46.312.083
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2.947.266.330)	3.206.857.696
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.418.605.031	19.000.766.062
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	16	1.610.220.670	5.320.214.497
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.808.384.361	13.680.551.565
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Lập, ngày 06 tháng 10 năm 2009

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Kế Toán Trưởng
ĐÀC THỊ KIM LOAN

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Giám Đốc

Công ty TNHH Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

6 tháng đầu năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		6.418.605.031	19.000.766.062
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		1.287.925.839	2.139.871.776
- Các khoản dự phòng	3			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(122.069.631)	34.535.590
- Chi phí lãi vay	6		2.670.016.399	9.710.271.644
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		10.254.477.638	30.885.445.072
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(126.395.257.024)	4.066.738.435
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(124.408.475.759)	(5.662.391.255)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		109.745.192.089	(50.883.622.700)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		334.024.106	(785.110.011)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.670.016.399)	(9.710.271.644)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.410.836.607)	(7.152.225.841)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		63.962.984.025	225.163.657.040
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(63.099.743.162)	(224.664.315.555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(133.687.651.094)	(38.742.096.459)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(119.960.887)	(4.249.523.200)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			219.047.619
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(175.000.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		122.069.631	70.166.798
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(174.997.891.256)	(3.960.308.783)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		223.530.000.000	50.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		236.024.426.767	273.700.682.905
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(102.687.981.310)	(252.045.214.001)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			

05068
ÔNG T
ANHIEMHU
H VU TU
HINH KE
KIEM TC
PHIA NA
TP. HO

Công ty TNHH Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.074.880.117)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	356.866.445.457	66.580.588.787
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	50	48.180.903.107	23.878.183.545
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	6.068.545.327	16.234.359.008
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	70	54.249.448.434	40.112.542.553

Lập, ngày 06 tháng 10 năm 2009

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Kế Toán Trưởng
ĐÀO THỊ KIM LOANTổng Giám Đốc
Phạm Thị Hồng

CÔNG TY TNHH TIỀN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP 4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2009

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty TNHH TIỀN LÊN là công ty TNHH có hai thành viên trở lên được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 ngày 22 tháng 11 năm 2001; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 11 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 226.000.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi sáu tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh:

3. Ngành nghề kinh doanh: Mua bán, đại lý kỹ gửi hàng hóa, vật liệu xây dựng, sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu, ống nước, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế, máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp và phụ tùng thay thế. Mua bán ô tô và các thiết bị phụ tùng ô tô. Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh kho bãi. Môi giới thương mại. Bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường bộ. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, thủy lợi. San lấp mặt bằng. Lắp trang thiết bị cho các công trình xây dựng. Gia công cơ khí. Đại lý, mua bán, nhập khẩu hàng trang trí nội thất. Tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp./.

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

1.1 Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

1.2 Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.



CÔNG TY TNHH TIỀN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP 4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho:**2.1 Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo ngày.

2.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không áp dụng lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**3.1 Nguyên tắc ghi nhận:**

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2 Lập dự phòng phải thu khó đòi: Không phát sinh.

4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng: Không phát sinh.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá hao mòn lũy kế theo giá gốc.

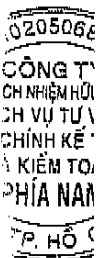
5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

6. Hợp đồng thuê tài chính: Không phát sinh.

7. Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư: Không phát sinh.

8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:**8.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.



CÔNG TY TNHH TIẾN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP 4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

8.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: Không phát sinh

8.3 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

8.3.1. Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

8.3.2. Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

8.4 Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8.5 Phương pháp phân bổ lợi thế thương mại: không phát sinh

9. Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu và triển khai:

9.1 Nguyên tắc kế toán chi phí nghiên cứu:

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn nghiên cứu được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

9.2 Nguyên tắc kế toán chi phí triển khai:

Chi phí phát sinh trong giai đoạn triển khai được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khi thoả mãn đồng thời các điều kiện để ghi nhận là TSCĐ vô hình.

10. Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

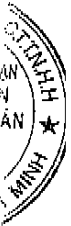
10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn



CÔNG TY TNHH TIẾN LÊN

Địa chỉ: G1A, KP 4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

10.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

11. Kế toán các hoạt động liên doanh:**11.1 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát:**

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và trực tiếp phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

11.2 Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh theo hình thức thành lập cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát:

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

13. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm: không phát sinh**14. Ghi nhận chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

15. Ghi nhận các trái phiếu có thể chuyển đổi: Không phát sinh

CÔNG TY TNHH TIẾN LÊN

Địa chỉ: GIA, KP 4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái: Không phát sinh**17. Nguồn vốn chủ sở hữu:****17.1 Ghi nhận cổ tức:**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

17.2 Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**18.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:**

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

18.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

18.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được chuyển nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



Công ty TNHH Tiên Lân

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2009

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.1-Tiền mặt (VND)	49.471.416.360	213.603.708
1.2-Tiền gửi ngân hàng	4.778.032.074	5.854.941.519
a- TGNH (VND)	3.266.981.384	5.820.475.587
NH SGTT Chi nhánh Hưng Yên	1.311.551	1.489.308
NH VIETCOMBANK KCN BH	4.211.519	42.145.373
NH TMCP Nam Việt	4.243.973	1.015.126
NH SGTT Chi nhánh Hà Nội	15.114.917	5.162.358
NH VIETCOMBANK P.Giao Dịch Đồng Nai	584.058.548	4.658.508.187
NH Công Thương KCN Biên Hòa	485.539.492	1.019.282.660
NH VIETCOMBANK ĐN	56.282.726	9.273.938
NH TMCP SGTT chi nhánh Đồng Nai	732.269.995	57.941.008
NH TMCP Quốc Tế VN CN Đồng Nai	15.766.218	5.247.454
NH Á Châu	294.196.885	18.511.421
NH TM Xuất Nhập Khẩu (*)	215.477	215.477
NH đầu tư & phát triển ĐN (*)	5.050.904	1.682.877
Tiền VNĐ gửi NH Đông Á	2.458.276	
Tiền VNĐ gửi NH TMCP Kỹ Thương VN_PGD Tam Hiệp	2.871.165	
Tiền VNĐ gửi NH TMCP Quân Đội_CN Đồng Nai	17.402.586	
Tiền VNĐ gửi NH Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn	1.045.987.152	
b- TGNH (USD)	1.511.050.690	34.465.932
NH TMCP Quốc Tế CN ĐN (100,2 USD)	1.704.825	1.701.093
NH TMCP SGTT chi nhánh Hà Nội (120,80 USD)	1.888.281	2.050.822
NH Ngoại Thương KCN BH (303,36 USD)	1.413.119.969	5.150.443
NH TMCP Sài Gòn Thương Tín ĐN (403,81 USD)	75.659.179	6.855.482
NH Ngoại Thương ĐN (478,05 USD)	8.016.651	8.115.855
NH Công Thương KCN (615,93 USD)	10.387.218	10.456.644
Tiền ngoại tệ gửi NH Quân Đội	138.676	
NH TM Xuất Nhập Khẩu (*)	135.891	135.891
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	54.249.448.434	6.068.545.527
2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2.1-Phải thu khách hàng	130.512.330.104	39.277.964.475
- Công ty TNHH SX & Lắp ráp ôtô Chu Lai -Trường Hải	16.432.497.541	457.134.571
- Công ty TNHH An Hưng	375.822.763	
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Hoa Lu	114.061.156	
- Công ty TNHH SX & TM Phúc Tiến Hưng Yên	5.794.040.614	
- Công ty Cổ Phần LILAMA 45-4	1.279.739.033	
- Chi Nhánh Công ty CP đầu tư TM SMC		493.403.056
- Chi Nhánh Công ty CP Kim Khí Hà Nội Tại HCM		17.521.195



Công ty TNHH Tiên Lân

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2009

- CHIPMONG SELLING B.MATERIAL&CONSTRUCTION CO.,LTD		68.366.392
- Công ty Cổ Phần đầu tư Thương Mại SMC	578.123.985	187.401.515
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng & đầu tư Phú Sĩ		1.607.184.749
- Công ty CP Công Nghệ Cao (HITECHCO)	264.844.552	83.367.317
- Công ty TNHH Minh Quân		260.634.540
- Công ty TNHH Nam Hòa		9.489.001
- Công ty TNHH Nhật Trường Vinh	396.627.179	862.973.316
- Công ty TNHH Quang Thu	558.290.991	446.545.252
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Đại Phúc	82.290.187.375	24.112.806.533
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Bắc Việt	6.200.999	1.877.167.902
- Công ty TNHH Sản Xuất VT TM Đại Trường Thịnh		445.578.050
- Công ty TNHH SX & TM Minh Tiến	1.272.225.356	5.966.400
- Công ty TNHH SX TM CK Hồng Châu	1.063.739.436	68.658.164
- Công ty TNHH SX TM Thép Toàn Thiên	32.556.644	136.877.460
- Công ty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Ngân Hà		124.322.460
- Công ty TNHH Thương Mại An Tùng	198.002.384	917.302.344
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thép Khương Mai	399.643.988	307.625.278
- Công ty TNHH Thương Mại Hoàn Phúc		71.802.090
- Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Thiên Phúc Lộ	52.942.565	28.646.574
- Công ty TNHH Thương Mại Tân Nghệ An		159.941.966
- Công ty TNHH Thương Mại Thép Nam Việt	2.299.741.322	1.324.874.384
- Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Sản Xuất Trung Nam		1.348.555.270
- Công ty TNHH TM DV VINA Hoàng Dũng	2.571.349.038	1.380.091.090
- Công ty TNHH TM SX Cơ Khí Quốc Thanh	234.434.456	427.763.188
- Công ty TNHH TM SX DV Lê Hoàng Minh	126.574.193	28.556.152
- Công ty TNHH TM Thép Việt Kim		220.641.335
- Công ty TNHH TM XD Khai Cường	825.802.784	440.885.122
- DNTN Đại Ngọc Đức	239.737.831	110.866.778
- DNTN Cao Duy		101.981.661
- DNTN Nam Thịnh	10.320.627	307.600.000
- DNTN Thương Mại Gia Công ST Nam Trung	95.377.496	283.100.000
- DNTN Thương Mại Hoàng Diệu	367.163.961	289.230.403
- DNTN Thương Mại Sơn Quốc	145.397.157	71.455.270
- HTX Cơ Khí & Thương Mại 2/9		191.645.897
- Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Phúc Tiến	24.444.910	
- Công ty TNHH Gỗ Hạnh Phúc	45.863.992	
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Hoàng Phố	88.420.130	
- Công ty TNHH Sắt Thép Trường Tiến	110.515.807	
- Công ty TNHH SX & LR ô Tô An Thành Phát	114.480.012	



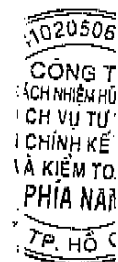
Công ty TNHH Tiên Lân

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2009

- Công ty TNHH SX TM Tâm Phúc Nhân	161.760.039	
- Công ty TNHH SX XD TM Hồng Minh Tâm	270.349.345	
- Công ty TNHH Thương Mại Phú Châu	304.014.066	
- Công ty Cổ Phần Thép Kim Khang	357.143	
- Công ty TNHH TM DV Đồ Nga	3.752.352	
- Công ty Cổ Phần Thương Mại Thép An Khánh	8.025.301	
- Công ty TNHH HASUNG Việt Nam	10.266.062	
- Công ty TNHH An Mỹ	49.462.684	
- Công ty TNHH Thép SMC	59.346.003	
- DNTN Đạt Thịnh Phát	73.800.012	
- Công ty TNHH SX & TM Thép Ngọc Phát	74.118.638	
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Mã	81.925.542	
- DNTN XD & TM Thanh Thái Thịnh	112.718.200	
- DNTN Bình Phước	117.471.300	
- Công ty TNHH Một Thành Viên SMC Bình Dương	317.727.323	
- Công ty TNHH Thép Đình Nguyễn	323.433.555	
- DNTN TM DV Minh Mai	597.459.318	
- DNTN Đài Nam	722.720.551	
- Công ty TNHH Thép Minh Quân	759.036.076	
- Công ty TNHH TM DV Cơ Khí Đại Thắng	761.226.361	
- Công ty CP SX Thương Mại Tân Huy Long	835.534.485	
- Công ty TNHH TM DV Khải Hoàn	1.803.919.508	
- Công ty TNHH TM Tam Phúc Thành	3.266.625.187	
- Trung Tâm TM VLXD- Công ty CP Xây Lắp Thương Mại 2	1.388.110.776	
2.2-Trả trước cho người bán	30.716.210.261	413.638.075
- PAN KOREA METAL COMPANY		323.697.549
- Chi Nhánh Công ty TNHH Thẩm Định Giá VINACONTROL		10.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn quản lý I.M.C.C	22.500.000	22.500.000
- Công ty Cổ Phần Thép & Vật Liệu Xây Dựng		23.742.526
- LCT LAWYERS	33.698.000	33.698.000
- CN Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng _XN Xếp Hoàng Diệu	473.775	
- Công ty TNHH DV T.Vấn TCKT&K.Toán phía Nam (AASCS)	30.000.000	
- AGZI LCT Joint Venture Law Firm	37.819.818	
- Salzgitter Mannesmann International(ASIA)Pte Ltd	2.279.822.818	
- SEVERSTAL EXPORT GMBH	28.311.895.850	
2.3-Các khoản phải thu khác	45.288.552	1.045.418
- Bảo hiểm xã hội, y tế	45.288.552	1.045.418
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	161.273.828.917	39.692.647.968



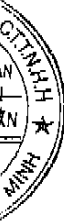
Công ty TNHH Tiên Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2009

3. HÀNG TỒN KHO	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3.1- Giá gốc hàng tồn kho	175.978.292.036	51.569.816.277
- Nguyên liệu, vật liệu	1.357.607.764	1.311.283.795
- Chi phí SX KD DD	4.277.719.020	3.793.135.011
- Hàng hóa	170.342.965.252	46.465.397.471
3.2- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)		
<u>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</u>	<u>175.978.292.036</u>	<u>51.569.816.277</u>
4. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	Số cuối kỳ	Số đầu năm
4.1- Chi phí trả trước ngắn hạn	420.222.298	689.974.026
4.2- Thuế GTGT được khấu trừ	3.736.301.741	
4.3- Tài sản ngắn hạn khác	8.172.426.628	13.145.511.801
Ký quỹ NH INCOMBANK KCN BH (149,539 USD)		2.538.723.603
Ký quỹ NH VIETCOMBANK KCN BH (78.200 USD)		1.327.601.400
Ký quỹ NH SACOMBANK DONG NAI (350.566,64 USD)	6.234.079.994	9.279.186.798
Ký quỹ ngắn hạn USD_VIBANK CN DONG NAI(51,150 USD)	910.572.300	
Tạm ứng	1.027.774.334	
<u>Cộng tài sản ngắn hạn khác</u>	<u>12.328.950.667</u>	<u>13.835.485.827</u>



Công ty TNHH Tiến Lên
Địa chỉ : GIA, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

5. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Máy móc thiết bị	Nhà cửa vật kiến trúc	Thiết bị dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐHH khác	Tổng Cộng
I.						
Nguyên giá						
1 Số dư đầu năm	5.032.887.555	4.477.943.492	204.215.032	16.009.422.415	263.870.503	25.988.338.997
2 Số tăng trong năm	56.747.638		127.150.523			183.898.161
Bao gồm:						
- Mua trong năm	56.747.638		127.150.523			183.898.161
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
3 Giảm trong năm						
Bao gồm:						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4 Số dư cuối năm	5.089.635.193	4.477.943.492	331.365.555	16.009.422.415	263.870.503	26.172.237.158
II.						
Giá trị hao mòn LK						
1 Số dư đầu năm	2.841.681.253	3.623.634.257	136.269.509	5.292.036.235	33.500.416	11.927.121.670
2 Tăng trong năm	323.754.732	57.693.252	26.425.291	858.063.356	21.989.208	1.287.925.839
- Khấu hao trong năm	323.754.732	57.693.252	26.425.291	858.063.356	21.989.208	1.287.925.839
- Tăng khác						
3 Giảm trong năm						
Bao gồm:						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
Giảm khác						
4 Số dư cuối năm	3.165.435.985	3.681.327.509	162.694.800	6.150.099.591	55.489.624	13.215.047.509
III.						
Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu năm	2.191.206.302	854.309.235	67.945.523	10.717.386.180	230.370.087	14.061.217.327
2 Tại ngày cuối năm	1.924.199.208	796.615.983	168.670.755	9.859.322.824	208.380.879	12.957.189.649

Công ty TNHH Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2009

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
6.1 Đầu tư vào công ty con	271.726.500.000	151.726.500.000
- Đầu tư vào công ty Đại Phúc	115.000.000.000	45.000.000.000
- Đầu tư vào công ty Tây Nguyên	156.726.500.000	106.726.500.000
6.2 Đầu tư vào công ty liên kết (Công ty CP Thép Bắc Nam)	48.000.000.000	
6.3 Đầu tư dài hạn khác (700.000 cp của Công ty CPSXTM Phúc Tiến)	7.000.000.000	
Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	326.726.500.000	151.726.500.000

7. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	Số cuối kỳ	Số đầu năm
7.1 Chi phí trả trước dài hạn	211.169.048	275.441.426
- Công cụ, dụng cụ	211.169.048	275.441.426
7.2-Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	239.747.857	239.747.357
Cộng tài sản dài hạn khác	450.916.905	515.189.383

8. NỢ NGẮN HẠN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
8.1-Vay và nợ ngắn hạn	141.118.948.913	7.175.707.511
- NH Công Thương KCN (VND)	25.245.652.511	4.282.622.744
- Nguyễn Thị Thắm	400.000.000	774.000.000
- Nguyễn Thị Oanh	119.084.667	419.084.567
- Vay ngắn hạn NH VIETCOMBANK_CN Biên Hòa (VND)	10.632.738.248	
- Vay ngắn hạn NH SACOMBANK_CN Đồng Nai (VND)	76.066.201.151	
- Phạm Thị Hằng		200.000.000
- Nguyễn Văn Quang		1.500.000.000
- NH Công Thương KCN (USD)	24.617.122.392	
- NH SACOMBANK_CN ĐN (USD)	4.038.149.944	
8.2-Phải trả người bán	137.093.602.903	31.965.120.424
- Công ty TNHH Hoàng Gia Phú		8.750.000
- Trạm Xăng Dầu Ngã Ba Vũng tàu - Công ty Tín Nghĩa	32.233.750	32.178.500
- Công ty TNHH Dịch Vụ bảo vệ Nhật Việt.S	10.000.000	6.500.000
- Công ty Cổ Phần Thép Hàn Việt	1.391.035.243	2.372.795.024
- Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	100.623.340.501	8.922.096.237
- Bảo Minh _ Đồng Nai (Tổng Công ty CP bảo Minh)	4.599.000	739.000
- Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thép Đại Nam		593.532.573
- Công ty CP Niên Giám Điện Thoại Và Trang Vàng 2 -VN		72.875.000
- Công ty Thương Mại Thép Tuyển Năng		162.965.341
- Công ty TNHH TM & XD Tiến Đạt		19.792.687.349
- Công ty SX SP Điện TM Tự Động TNHH	1.575.000	
- Công ty Bảo Minh Sài Gòn -Tổng Công ty CP Bảo Minh	5.039.180	
- Công ty Cổ Phần bảo Hiểm Nhà Rông	6.683.600	
- Công ty Cổ Phần KT & PT KV Tân Tạo	27.969.722	

Công ty TNHH Tiên Lân

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2009

- Công ty CP bảo Hiểm Quân Đội CN Nam Sài Gòn	46.645.597	
- Công ty TNHH Nhật Trường Vinh	73.198.880	
- Công ty TNHH An Mỹ	74.182.500	
- Công ty TNHH Thép Minh Quân	293.903.944	
- Công ty TNHH Thép Minh Thanh	485.153.550	
- Công ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Phúc Tiến	34.018.042.436	
8.3-Người mua trả tiền trước	2.078.649.139	
- Công ty TNHH Sản Xuất VT TM Đại Trường Thịnh	1.738.943.978	
- Công ty Cổ Phần Lê Việt	1.338.555	
- Công ty TNHH TM DV XD Gia Ngân	3.599.956	
- DNTN TM SX Vi Văn	9.499.196	
- Đỗ Thành Nghĩa	28.048.000	
- Công Ty Cổ Phần CK XD Công Trình 623	39.967.000	
- Công ty TNHH TMDV An Ngọc Phát	117.567.814	
- Công ty CP Thép Quang Tiến	139.684.640	
8.4-Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.476.009.762	2.184.826.143
- Thuế GTGT đầu ra phải nộp		115.849.237
- Thuế xuất, nhập khẩu	2.219.178.118	
- Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	2.246.831.644	2.047.447.580
- Thuế Thu nhập Cá nhân		11.529.126
- Thuế môn bài	10.000.000	10.000.000
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
8.5-Phải trả người lao động	394.379.663	
8.6-Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	263.435.256	211.554.003
- Kinh phí công đoàn	202.721.420	187.320.680
- Bảo hiểm xã hội		20.285.785
- Bảo hiểm y tế	98.658	3.947.638
- Bảo hiểm thất nghiệp	15.321.396	
- Phải trả, phải nộp khác	45.293.782	
Cộng nợ ngắn hạn	285.425.025.636	41.537.208.181



Công ty TNHH Tiên Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2009

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn CP	Vốn khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	31.457.368.000			16.428.075.508	31.457.368.000
Tăng vốn trong năm trước	201.000.000.000				201.000.000.000
Lãi trong năm trước				22.671.113.724	
Tăng khác			2.253.982.547		2.253.982.547
Giảm vốn trong năm trước	6.457.368.000				6.457.368.000
Lỗ trong năm trước				39.099.189.232	
Giảm khác					
Số dư cuối năm trước.	226.000.000.000		2.253.982.547		228.253.982.547
Số dư đầu năm nay					
Tăng vốn trong kỳ này	223.530.000.000				223.530.000.000
Lãi trong kỳ này				4.808.384.361	4.808.384.361
Tăng khác			160.824.602		160.824.602
Giảm vốn trong kỳ này					
Lỗ trong năm nay					
Giảm khác					
Số dư cuối năm nay	449.530.000.000		2.414.807.149	4.808.384.361	456.753.191.510

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Bà Phạm Thị Hồng	23%	103.594.000.000	33.170.275.520
- Ông Nguyễn Mạnh Hà	25%	113.499.000.000	28.392.514.080
- Ông Nguyễn Văn Quang	21%	92.437.000.000	24.437.210.400
- Ông Phạm Minh Đức	7%	30.000.000.000	30.000.000.000
- Ông Phạm Duy Quang	4%	20.000.000.000	20.000.000.000
- Ông Lê Văn Trọng	2%	10.000.000.000	10.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	6%	25.000.000.000	25.000.000.000
- Ông Phạm Minh Tuấn	3%	15.000.000.000	15.000.000.000
- Ông Nguyễn Anh Hùng	2%	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ông Nguyễn Anh Quang	7%	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng vốn đầu tư của chủ sở hữu	100%	449.530.000.000	226.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**Vốn đầu tư của chủ SH**

	Số kỳ này	Số kỳ trước
- Vốn góp đầu năm	226.000.000.000	31.457.368.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	223.530.000.000	201.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		6.457.368.000
- Vốn góp cuối kỳ	449.530.000.000	226.000.000.000

Công ty TNHH Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2009

	Số kỳ này	Số kỳ trước
10. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	643.054.138.030	611.202.440.500
+ Doanh thu bán hàng	642.936.525.661	611.202.440.500
+ Doanh thu trao đổi dịch vụ	117.612.369	
+ Doanh thu XD		
11. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
+ Giảm giá hàng bán		
12. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	643.054.138.030	611.202.440.500
+ Doanh thu thuần trao đổi SP, hàng hóa	642.936.525.661	611.202.440.500
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	117.612.369	
+ Doanh thu thuần XD		
13. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Số kỳ này	Số kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	614.644.765.586	582.597.356.397
Giá vốn của XD		
<u>Cộng giá vốn hàng bán</u>	<u>614.644.765.586</u>	<u>582.597.356.397</u>
14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Số kỳ này	Số kỳ trước
Lãi tiền gửi	122.069.631	76.190.552,00
Lãi trả chậm	1.921.768	
Chênh lệch tỷ giá		1.964.330.708
<u>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</u>	<u>123.991.399</u>	<u>2.040.521.360</u>
15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Số kỳ này	Số kỳ trước
Lãi tiền vay	2.670.016.399	5.575.726.078
Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.220.971.990	2.769.822.437
<u>Cộng chi phí tài chính</u>	<u>12.890.988.389</u>	<u>8.345.548.515</u>
16. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	Số kỳ này	Số kỳ trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	1.610.220.670	5.320.214.497
<u>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</u>	<u>1.610.220.670</u>	<u>5.320.214.497</u>
17. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ	Số kỳ này	Số kỳ trước
Chỉ tiêu		
a- Tổng lợi nhuận trước thuế	6.418.605.031	19.000.766.062
b- Các khoản điều chỉnh tăng	2.782.655.949	
- Chi phí không hợp lệ	2.782.655.949	
c- Các khoản điều chỉnh giảm		
d- Tổng thu nhập chịu thuế (d=a+b-c)	9.201.260.980	19.000.766.062
e- Thuế TNDN phải nộp	2.300.315.245	5.320.214.497
f- Thuế TNDN được miễn giảm theo thông tư 03	690.094.573	
g- Lợi nhuận sau thuế TNDN (g=a-e+f)	4.808.384.361	13.680.551.565

Công ty TNHH Tiến Lên

Địa chỉ : G1A, KP4, Đường Đồng Khởi, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Đồng Nai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2009

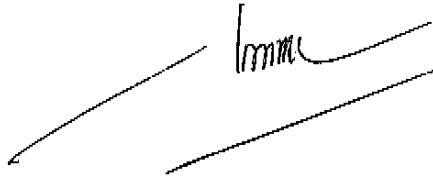
18. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2009 là số dư cuối năm 2008 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm Toán AASCS.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Kế toán trưởng
ĐẠO TRỊ KIM LÂN

Lập, ngày 06 tháng 10 năm 2009

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Giám Đốc
Phạm Thị Hằng